TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2017/DS-ST
Ngày: 05-7-2017
V/v tranh chấp
hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Bà Trương Thị Tú Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2017/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: khu phố 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm 1966, vắng mặt;

Ông Hoàng Minh X, sinh năm 1964, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị P trình bày:

Do quen biết với bà C nên chị có tham gia góp 03 phần hụi của dây hụi 1.000.000 đồng và có mua lại 01 phần hụi dây hụi 2.000.000 đồng đều do bà C làm chủ thảo cụ thể như sau:

Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 19/01/2016 (âm lịch), có 26 phần trong đó chị góp 03 phần. Sau khi khui hụi chị đã đóng được 08 kỳ hụi sống với số tiền thực đóng là 13.920.000 đồng. Đến kỳ thứ 09 thì bà C tuyên bố bể hụi nên hụi ngưng hoạt động, dây hụi này bà C còn nợ chị 13.920.000 đồng.

Đối với dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 01/7/2016, hụi tính 18 phần, chị mua lại từ bà C 01 phần hụi sống vào kỳ thứ 01 có người kêu hụi 730.000 đồng nên tính thành tiền là (1.270.000 đồng x 18 phần) - tiền cò 40 % là 800.000 đồng = 22.060.000 đồng, tính hụi mua 18 phần vì chị muốn cuối kỳ chị sẽ hốt hụi trọn vẹn số tiền đóng của 18 phần. Chị không biết phần hụi này chị mua lại của người nào vì chị chỉ biết bà C đã bán cho chị, bà C cũng không nói cho chị biết ai đã bán phần hụi này. Dây hụi này bà C nợ chị số tiền 22.060.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi bà C nợ chị 35.980.000 đồng. Đến tháng 9/2016 bà C tuyên bố bể hụi, không còn khả năng thanh toán cho các hụi viên.

Ngày 15/11/2016 bà C có trả cho chị 15.980.000 đồng, số tiền còn lại 20.000.000 đồng bà C làm giấy cam kết sẽ trả cho chị mỗi tháng 500.000 đồng từ ngày 20/12/2016 đến ngày 20/8/2018. Sau đó bà C có trả cho chị 500.000 đồng, chị không nhớ ngày trả và không làm giấy ký nhận.

Do đó nay chị yêu cầu vợ chồng bà C, ông X cùng có trách nhiệm hoàn trả cho chị số tiền nợ còn lại là 19.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Các biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn - bà C trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chị P. Đúng là bà có tổ chức góp 02 dây hụi do bà làm chủ thảo của dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 19/01/2016 âm lịch, hụi có 26 phần trong đó chị P góp 03 phần, bà còn nợ chị P 08 kỳ hụi với số tiền thực đóng là 13.920.000 đồng; đối với dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 01/7/2016 âm lịch, hụi có 18 phần do có người ngưng không góp hụi nữa nên bà đã bán phần hụi này cho chị P vào kỳ thứ 01 với giá 22.060.000 đồng. Tổng cộng 02 dây hụi bà nợ chị P 35.980.000 đồng, sau đó bà đã trả cho chị P 01 lần 15.980.000 đồng vào ngày 15/11/2016 cho dây hụi 2.00.000 đồng và lần 02 trả 500.000 đồng vào ngày 25/12/2016 nên nay bà còn nợ chị P 19.500.000 đồng.

Tất cả các dây hụi do bà tổ chức đều đã ngưng hoạt động từ tháng 8/2016 âm lịch, nguyên nhân do bà không có khả năng choàng tiền hụi cho các hụi viên đã hốt hụi nhưng không đóng tiền hụi chết cho bà.

Nay bà đồng ý trả cho chị P 19.500.000 đồng. Đây là nợ riêng của bà, ông X là chồng bà không liên quan, mặt khác bà cho rằng vợ chồng bà đã sống ly thân 15 năm nay nên ông X không có trách nhiệm cùng bà trả nợ cho chị P.

Bị đơn - ông X trình bày:

Ông và bà C chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Hiện ông và bà C vẫn sống cùng nhà với nhau nhưng ăn riêng, ngủ riêng, ai làm được bao nhiêu tiền thì tiêu xài riêng, không liên quan đến nhau. Về việc góp hụi, mua bán hụi giữa chị P và bà C ông không biết, bà C gây nợ thì bà C tự chịu, ông không đồng ý trả nợ cho chị P.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị P: Vẫn giữ nguyên ý kiến.

- Bị đơn bà C và ông X: Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P cần buộc bà C và ông X cùng có trách nhiệm hoàn trả cho chị P số tiền nợ hụi còn lại là 19.500.000 đồng, ghi nhận chị P không yêu cầu tính lãi.

+ Về án phí: Bà C và ông X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông X và bà C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông X.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét hợp đồng góp hụi của dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 19/01/2016 (âm lịch) và hợp đồng bán hụi dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 01/7/2016 âm lịch giữa chị P và bà C là có thật, được các bên thừa nhận; chị P cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc đã đóng hụi và mua hụi của bà C, toàn bộ lời khai của chị P phù hợp với chứng cứ có trong vụ án và phù hợp với lời khai của bà C về giao dịch hụi và các lần trả tiền. Ông X cho rằng ông không biết về việc góp hụi và mua hụi của vợ ông và chị P nhưng quá trình xác minh thu thập chứng cứ cho thấy trong thời gian chị P tham gia giao dịch góp hụi, mua hụi do vợ ông làm chủ hụi thì hai vợ chồng ông còn sống chung, cùng sinh hoạt chung, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó căn cứ Điều 298, Điều 497 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị định số 144/2006-ND-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ cần buộc bà C cùng ông X có trách nhiệm trả cho chị P số tiền 19.500.000 đồng. Ghi nhận chị PH không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà C và ông X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 19.500.000 đồng x 5% = 975.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 298, Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị định số 144/2006-NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử:

Buộc bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị P 19.500.000 (mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị P không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà C và ông X không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bà C và ông X còn phải trả cho chị P số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X phải chịu 975.000 (chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị P không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho chị P 487.000 (bốn trăm tám mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003893 ngày 02/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Phòng KTNV. TAT;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Mai Thị Kim Thu